

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 51/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 – 2030;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 19/2026/QĐ-TTg ngày 28/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt nông thôn mới hiện đại và tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 – 2030;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây

dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 693/TTr-SNNMT ngày 11/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- BCĐ TW các Chương trình MTQG (để b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Điều phối TW Chương trình MTQG;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Đảng ủy các xã, phường;
- Lưu: VT, NNMT, VHXX, KHTC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoài Anh

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030; Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, với những nội dung sau đây:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM), giảm nghèo bền vững (GNBV) và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi (MN) giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá (sau đây gọi tắt là Chương trình) được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026, nhằm đảm bảo việc triển khai và tổ chức thực hiện Chương trình có hiệu quả, bền vững trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Cụ thể hóa nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình của cấp ủy Đảng, chính quyền, Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG ở các cấp; tạo sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên của Mặt trận Tổ quốc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở đối với việc thực hiện Chương trình.

2. Yêu cầu

- Bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình tại Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội và Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường để việc thực hiện Chương trình được đồng bộ, đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành, đoàn thể, các địa phương có liên quan trong việc triển khai thực hiện các nội dung thành phần, nội dung thực hiện của Chương trình; xác định rõ trách nhiệm đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và thời gian hoàn thành; kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

- Bảo đảm sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ, hiệu quả, không bỏ sót, không chồng chéo công việc giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và các địa phương, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện Chương trình.

- Các cấp, các ngành và các địa phương xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện Chương trình trong giai đoạn 5 năm và hằng năm; bảo đảm việc thực hiện Chương trình nghiêm túc, hiệu quả, chất lượng, đúng quy định của pháp luật, sử dụng vốn tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, phòng chống lãng phí, tiêu cực.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

- Xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững, gắn với quá trình đô thị hóa và khả năng thích ứng linh hoạt với biến đổi khí hậu, đặc biệt là tại các vùng trọng điểm thiên tai. Tập trung phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, bảo đảm bình đẳng giới và an sinh xã hội cho mọi tầng lớp nhân dân.

- Phát triển kinh tế nông thôn được định hướng theo mô hình xanh, tuần hoàn, sinh thái, gắn kết chặt chẽ với việc cơ cấu lại ngành nông nghiệp nhằm nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống và thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền, nhóm dân cư, nhất là giữa vùng miền núi phía Tây với các vùng kinh tế động lực của tỉnh.

- Chú trọng giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; nâng cao niềm tin của đồng bào đối với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội, đặc biệt là tại các vùng chiến lược, khu vực biên giới và hải đảo, tạo môi trường ổn định để thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã đề ra.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Toàn tỉnh có 80% số xã; có 12% thôn/bản miền núi¹ trở lên đạt chuẩn nông thôn mới (*Tương ứng với 118 xã, 158 thôn/bản miền núi trở lên đạt chuẩn nông thôn mới*); có thêm 328 sản phẩm OCOP được công nhận.

- Phần đầu tăng thu nhập bình quân của người dân nông thôn gấp 2,5 lần so với năm 2020; tăng thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của tỉnh.

- Phần đầu tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm từ 1% trở lên, giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi xuống dưới 10%.

- Phần đầu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cơ bản không còn xã, thôn đặc biệt khó khăn.

(Chi tiết chỉ tiêu cụ thể tại phụ lục số 01, số 02)

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Công tác tuyên truyền, nâng cao năng lực

a) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên; cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp phổ biến, quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước về Chương trình đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, các cơ quan, doanh nghiệp và mọi người dân hiểu đầy đủ, sâu sắc quan điểm của Đảng và Nhà nước về Chương trình trong giai đoạn mới 2026-2030. Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân, nâng cao chất lượng các phong trào thi đua: “Cả nước chung sức xây dựng NTM và GNBV” giai đoạn 2026-2030; Phong trào “Cả nước chung tay để xây dựng phát triển toàn diện KTXH vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2026-2030” do Thủ tướng Chính phủ phát động; Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh” do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động.

b) Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí trong tỉnh, hệ thống truyền thanh cơ sở đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về Chương trình cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân nhằm tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể và mỗi người dân; đặc biệt là tuyên truyền cho mỗi người dân khu vực nông thôn nhận thức rõ vai trò chủ thể, hiểu được lợi ích và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện Chương trình.

¹ Theo số thôn, bản miền núi chưa sáp nhập (đến ngày 31/12/2025). Sau khi hoàn thành sáp nhập thôn, bản theo chủ trương của Trung ương thì điều chỉnh chỉ tiêu trong Kế hoạch cho phù hợp với điều kiện thực tế.

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo; các sở, ngành có liên quan, UBND các xã, phường tham mưu cho UBND tỉnh ban hành kế hoạch tập huấn, tham quan học tập kinh nghiệm tổ chức triển khai, thực hiện Chương trình cho cán bộ tham mưu thực hiện Chương trình (bao gồm: cán bộ cấp tỉnh, cấp xã, thôn/bản và cán bộ của các tổ chức đoàn thể...) trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030 nhằm nâng cao kiến thức, năng lực quản lý, điều hành và thực thi nhiệm vụ của cán bộ các cấp, báo cáo trong quý II/2026.

d) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND các xã và các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh triển khai Quy định tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Rà soát, hoàn thiện khung văn bản quy định tổ chức triển khai thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 tỉnh Thanh Hoá (tiêu chí xã NTM, xã NTM hiện đại; tiêu chí thôn NTM) đảm bảo yêu cầu của các Bộ tiêu chí NTM quốc gia được Thủ tướng Chính phủ quy định, đồng thời phù hợp điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của các vùng miền của tỉnh, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo, các đơn vị có liên quan (1) xây dựng quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách cấp tỉnh và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương (tỉnh, xã) thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh, bảo đảm không trùng lặp nội dung, đối tượng; sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả; (2) Nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích xây dựng NTM và phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh.

b) Sở Dân tộc và Tôn giáo:

- Tổng hợp danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 255/2025/NĐ-CP ngày 29/9/2025 của Chính phủ về việc xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 - 2030.

- Tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào DTTS và MN, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào DTTS và MN, xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về phân định vùng

đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2026 – 2030 và rà soát, điều chỉnh Quyết định phê duyệt danh sách theo quy định mới.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, xây dựng quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách cấp tỉnh và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương (tỉnh, xã) thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, ban hành hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các nội dung thực hiện thuộc Hợp phần thứ hai của Chương trình do Sở Dân tộc và Tôn giáo được giao chủ trì.

c) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động tham mưu cho BCĐ tỉnh, UBND tỉnh hoặc trực tiếp ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các nội dung, tiêu chí nông thôn mới ở các mức độ (*nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại*) thuộc các Bộ tiêu chí ở cấp xã do ngành phụ trách theo phân cấp và các nội dung thực hiện giảm nghèo bền vững, phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2.3. Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung thuộc Chương trình đạt hiệu quả, chất lượng, bền vững

a) Định hướng các nội dung

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, hoàn thiện các cơ chế, chính sách và ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình theo hướng đồng bộ, thống nhất theo địa bàn, phù hợp với mô hình tổ chức hành chính hai cấp (*tỉnh - xã*). Tích hợp các văn bản hướng dẫn thực hiện các hợp phần, nội dung thành phần, tiêu chí NTM để giảm tối đa số lượng văn bản ban hành.

- Chuyển trọng tâm từ phát triển số lượng sang nâng cao chất lượng, đặc biệt chú trọng thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn NTM; hướng dẫn, hỗ trợ các xã triển khai hướng tới xây dựng NTM hiện đại. Thực hiện đồng bộ các giải pháp GNBV theo hướng tiếp cận đa chiều; tập trung phát triển sinh kế, nâng cao năng lực tự chủ, tự vươn lên của người nghèo; xây dựng cơ chế phòng ngừa tái nghèo, quy định trách nhiệm của xã, phường khi để xảy ra tình trạng tái nghèo kéo dài.

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn theo hướng gia tăng giá trị, bền vững: Phát triển sản phẩm OCOP theo hướng chất lượng, đặc trưng, đa giá trị, thân thiện với môi trường, gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong chế biến, khai thác tiềm năng, lợi thế và giá trị văn hóa địa phương; hướng dẫn, hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP, du lịch nông nghiệp/du lịch sinh thái/du lịch cộng đồng đặc sắc, gắn với thế mạnh của từng địa phương, vùng miền theo hướng xanh, bền vững; đẩy mạnh quảng bá, thương mại sản phẩm OCOP gắn với phát triển du lịch, các lễ hội văn hóa truyền thống và tổ chức các sự kiện tạo không gian mở để quảng bá sản phẩm OCOP; đa dạng hóa các hình thức thương mại, đặc biệt là năng lực tham gia vào các kênh bán hàng hiện đại, thương mại

điện tử, gắn các yếu tố về văn hóa, cộng đồng với đặc trưng sản phẩm OCOP; từ bước xây dựng thương hiệu sản phẩm OCOP đặc trưng xứ Thanh, nhằm phát triển sản phẩm ra thị trường ngoài tỉnh và quốc tế.

- Tiếp tục phát huy vai trò chủ thể của người dân và doanh nghiệp trong quá trình xây dựng NTM và GNBV; phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và MN. Người dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là chủ thể tham gia tích cực vào việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát các hợp phần, nội dung của Chương trình. Doanh nghiệp cần được tạo môi trường thuận lợi để đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, tạo sinh kế và việc làm bền vững.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo quy định; căn cứ vào tình hình thực tế, cân đối ngân sách tỉnh để ưu tiên bổ sung cho Chương trình, các địa phương phải có trách nhiệm bố trí đủ vốn ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình. Kịp thời chấn chỉnh và có chế tài xử lý đối với những sở, ngành và địa phương chậm tiến độ, tỷ lệ giải ngân thấp. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư phát triển cho các xã nghèo, vùng đồng bào DTTS và MN, nhằm thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, miền. Lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn từ các chương trình MTQG, chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu và các dự án đầu tư khác đang triển khai trên địa bàn nông thôn, bảo đảm tập trung, tránh dàn trải, trùng lặp.

- Đẩy mạnh vận động các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước đăng ký hỗ trợ thực hiện Chương trình; khuyến khích các địa phương có điều kiện kinh tế phát triển hỗ trợ địa phương khó khăn. Người dân tham gia đóng góp xây dựng NTM theo nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, thông qua Hội đồng nhân dân xã và được cộng đồng thống nhất.

- Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số, công nghệ thông tin trong các hoạt động của Chương trình và xây dựng cơ sở dữ liệu trong giám sát tiến độ, kết quả thực hiện theo quy định của các bộ, ngành Trung ương.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân, nâng cao chất lượng các phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng NTM và GNBV” giai đoạn 2026-2030; Phong trào “Cả nước chung tay để xây dựng phát triển toàn diện KTXH vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2026-2030” do Thủ tướng Chính phủ phát động; Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh” do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động.

b) Phân công nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh

- Phân công cho các sở, ngành chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn và thực hiện các nhiệm vụ triển khai Chương trình nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2026-2030 theo quy

định của Thủ tướng Chính phủ triển khai trên địa bàn tỉnh (*chi tiết phân công nhiệm vụ các sở, ngành tại phụ lục số 03 và phụ lục số 04*)².

- Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch lãnh đạo, hướng dẫn thực hiện các tiêu chí nông thôn mới ở cả 2 mức độ (*đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại*) và thực hiện các mục tiêu tại các hợp phần, nội dung thành phần của Chương trình tại Quyết định số 417/QĐ-BNNMT; chủ động kiểm tra, giám sát theo các nhiệm vụ được phân công chủ trì, bảo đảm cho việc thực hiện Chương trình được hiệu quả, linh hoạt.

Nội dung kế hoạch của từng ngành, đơn vị căn cứ quy định của Chương trình và mục tiêu, nhiệm vụ của tỉnh, của ngành để xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, lộ trình cụ thể để thực hiện tiêu chí theo lĩnh vực chuyên môn của ngành qua từng năm và cả giai đoạn, báo cáo UBND tỉnh **trước 30/6/2026** (*qua Sở Nông nghiệp và Môi trường*).

- Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì, mời, phối hợp với Ủy ban MTTQ tỉnh và các đơn vị liên quan, hằng năm tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện Chương trình đối với các địa phương.

c) Nhiệm vụ của các địa phương

Ban chỉ đạo, UBND các xã, phường trên cơ sở các văn bản quy định của Trung ương, của tỉnh và hướng dẫn của các sở, ban, ngành cấp tỉnh để ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình, trong đó, phải xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình và kế hoạch vốn thực hiện Chương trình trong giai đoạn 5 năm và hàng năm báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Môi trường*).

2.4. Cơ chế thực hiện Chương trình và triển khai đồng bộ giải pháp huy động nguồn lực nhằm thực hiện có hiệu quả, bền vững Chương trình

- Việc quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình theo quy định tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ. Yêu cầu các sở, ban, ngành, các địa phương và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện; triển khai có hiệu quả nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Nông nghiệp và Môi trường trên cơ sở các văn bản quy định hiện hành tham mưu cho UBND tỉnh quy định về lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác để thực hiện Chương trình, đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung giữa các Chương trình MTQG, phân đầu hoàn thành các mục tiêu Chương trình đã đề ra.

² Riêng đối với việc phân công chỉ đạo, phụ trách các tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại sẽ thực hiện khi UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, và các ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích thực hiện Chương trình và đối ứng với ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình theo quy định; quy định tỷ lệ phân cấp nguồn thu để lại cho ngân sách xã từ đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất, có thu tiền sử dụng đất trên địa bàn xã theo hướng tăng tỷ lệ cho các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2026-2030 được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

Theo dõi, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hỗ trợ Chương trình hàng năm theo quy định.

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với UBND các xã, phường rà soát các cơ chế, chính sách hiện hành; khảo sát thực tế để kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện. Trên cơ sở đó, tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh; đồng thời kiến nghị Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương xem xét sửa đổi, bổ sung các quy định chưa phù hợp với thực tiễn, nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển sản xuất, thu hút doanh nghiệp đầu tư, chuyển giao khoa học và công nghệ, phát triển liên kết sản xuất.

- UBND các xã:

+ Nghiêm túc thực hiện chỉ đạo của Trung ương và của Tỉnh về quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước, trong đó, chú trọng việc nâng cao năng lực quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện chặt chẽ việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối nguồn vốn, không đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư dự án khi chưa xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện Chương trình.

+ Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động tối đa nguồn lực của địa phương để tổ chức triển khai Chương trình. Trên cơ sở quy định tỷ lệ phân cấp nguồn thu năm 2026 tại Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 và hàng năm của HĐND tỉnh; điều kiện thực tế, khả năng ngân sách của địa phương để ưu tiên, bố trí nguồn vốn thực hiện các nội dung Chương trình, đảm bảo nguyên tắc phải bố trí đủ vốn ngân sách địa phương đối ứng theo quy định để thực hiện Chương trình trên địa bàn.

+ Trên cơ sở điều kiện thực tế của địa phương để chỉ đạo, hướng dẫn và đề nghị HĐND cùng cấp ban hành các cơ chế, chính sách/đề án thực hiện Chương trình, trong đó, chú trọng giải pháp tháo gỡ những nút thắt, điểm nghẽn về cơ chế, chính sách để tạo động lực, khích lệ các đơn vị, tổ chức, cá nhân thi đua thực hiện Chương trình.

+ Thực hiện tốt vận động thu hút cộng đồng tham gia, đóng góp thực hiện Chương trình, nhất là khu vực doanh nghiệp, riêng đối với người dân phải tuân thủ nguyên tắc tuyên truyền, khuyến khích tham gia theo hình thức tự nguyện, không huy động quá sức dân.

* Tổng nhu cầu vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030 khoảng 29.130,96 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ trực tiếp Chương trình: 5.507,76 tỷ đồng, chiếm 18,91%.
- Ngân sách địa phương (tỉnh, xã): 6.877,2 tỷ đồng, chiếm 23,61%.
- Vốn lồng ghép: 5.127 tỷ đồng, chiếm 17,6%.
- Vốn tín dụng: 5.842 tỷ đồng, chiếm 20,05%.
- Vốn doanh nghiệp và huy động từ cộng đồng: 5.777 tỷ đồng, chiếm 19,83%

2.5. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp, huy động các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội tham gia thực sự có hiệu quả trong việc triển khai thực hiện Chương trình

a) Thành lập Ban chỉ đạo Chương trình giai đoạn 2026-2030

- Thành lập Ban chỉ đạo cấp tỉnh, cấp xã để chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030; thành lập/kiện toàn cơ quan giúp việc cho Ban chỉ đạo Chương trình theo hướng dẫn của Trung ương và yêu cầu thực tiễn của tỉnh.

b) Các cấp ủy Đảng, chính quyền, doanh nghiệp và mỗi cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức, trách nhiệm, vị trí, vai trò của việc tổ chức thực hiện Chương trình, nhất là người đứng đầu, tạo đồng thuận cao trong xã hội để triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình.

c) UBND các xã trên cơ sở quán triệt sâu sắc những nội dung theo quy định của Chương trình, rà soát, xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình trong giai đoạn 5 năm và hàng năm bao gồm các nội dung: Kế hoạch về nguồn vốn, mục tiêu, nhiệm vụ, phân công, phân cấp trách nhiệm cụ thể, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ban chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh.

d) Các cấp, ngành, địa phương đề cao vị trí, vai trò và tầm quan trọng của doanh nhân, doanh nghiệp đối với tổ chức thực hiện Chương trình; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với việc xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân.

đ) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội gắn Phong trào “Cả nước chung sức xây dựng NTM và giảm nghèo bền vững” giai đoạn 2026-2030; Phong trào “Cả nước chung tay để xây dựng phát triển toàn diện KTXH vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2026-2030” với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; tiếp tục phát huy vai trò phản biện, giám sát đối với Chương trình.

e) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở xã, phường. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thanh Hoá, các tổ chức chính trị, xã hội các cấp tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội, lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với kết quả thực hiện Chương trình. Kịp thời khen thưởng những tổ chức, cá nhân làm tốt, đồng thời có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, lãng phí, xử lý nghiêm các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo và các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo và các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn và hằng năm báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo và các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này; tham mưu UBND tỉnh đánh giá, sơ kết, tổng kết Chương trình giai đoạn 2026-2030 theo quy định.

2. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Là Cơ quan chủ trì Hợp phần thứ hai; chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã và các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Hợp phần thứ hai của Chương trình.

- Chủ trì tổng hợp các danh mục, nội dung thực hiện Hợp phần thứ hai của Chương trình do các sở, ban, ngành, đơn vị được giao chủ trì đề xuất; xây dựng danh mục nội dung thực hiện của Chương trình do Sở Dân tộc và Tôn giáo được giao chủ trì hằng năm và cả giai đoạn, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung Hợp phần thứ

hai của Chương trình tại các địa phương; đôn đốc, theo dõi, tổng hợp, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch và Hợp phần thứ hai của Chương trình theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ban chỉ đạo và UBND cấp xã xây dựng kế hoạch cụ thể của đơn vị để tổ chức thực hiện, đảm bảo mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao và tiến độ, thời gian quy định. Xây dựng, đề xuất nội dung hoạt động Hợp phần thứ nhất gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường và Hợp phần thứ 2 gửi Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp.

Triển khai nghiêm túc các nội dung kế hoạch này, định kỳ ngày 20 tháng cuối quý báo cáo kết quả thực hiện Chương trình về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh. Riêng báo cáo 6 tháng và báo cáo năm gửi trước ngày 10 của tháng cuối kỳ báo cáo.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội vận động nhân dân, đoàn viên, hội viên gương mẫu, thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, chung tay để xây dựng phát triển toàn diện kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

5. Trong quá trình triển khai Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị gửi văn bản phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo để tổng hợp, báo cáo Ban chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh xem xét, giải quyết, đảm bảo theo quy định./.

PHỤ LỤC SỐ 01: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU VỀ CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NTM, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MN GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Dự kiến giai đoạn 2026 - 2030	Trong đó: Kế hoạch từng năm				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Xây dựng Nông thôn mới							
-	Số xã đạt chuẩn NTM	Xã	118	9	21	23	24	41
	<i>Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM</i>	%	80,3	6,1	20,4	36,1	52,4	80,3
-	Số thôn, bản đạt chuẩn NTM	Thôn	158	10	36	43	34	35
	<i>Tỷ lệ thôn, bản đạt chuẩn NTM</i>	%	12,7	0,8	3,7	7,2	9,9	12,7
2	Giảm nghèo bền vững							
	Tỉ lệ hộ nghèo giảm theo tiêu chí mới (%)	%	Giảm \geq 5%	Giảm \geq 1%	Giảm \geq 1%	Giảm \geq 1%	Giảm \geq 1%	Giảm \geq 1%

PHỤ LỤC SỐ 02: CHỈ TIÊU VỀ XÂY DỰNG NTM GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

STT	Xã, phường	Năm 2026			Năm 2027			Năm 2028			Năm 2029			Năm 2030		
		Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP
	Tổng	9	10	65	21	36	72	23	43	75	24	34	71	41	35	45
1	Phường Hạc Thành			2			1						1			1
2	Phường Quảng Phú						1						1			
3	Phường Đông Quang			1									1			
4	Phường Đông Sơn			1					1				1			1
5	Phường Đông Tiến								1							1
6	Phường Hàm Rồng			1			1						1			1
7	Phường Nguyệt Viên			2					1							
8	Phường Sầm Sơn			1					1							1
9	Phường Nam Sầm Sơn			1			1						1			1
10	Phường Bim Sơn			1			1									
11	Phường Quang Trung															
12	Phường Ngọc Sơn															
13	Phường Tân Dân															
14	Phường Hải Lĩnh			1												
15	Phường Tĩnh Gia			3									1			1
16	Phường Đào Duy Từ						1									1
17	Phường Hải Bình								1							
18	Phường Trúc Lâm															
19	Phường Nghi Sơn															
20	Xã Các Sơn									1	x		1			
21	Xã Trường Lâm										x		1			

STT	Xã, phường	Năm 2026			Năm 2027			Năm 2028			Năm 2029			Năm 2030		
		Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP
22	Xã Hà Trung				x		1									1
23	Xã Tống Sơn							x		1						1
24	Xã Hà Long	x								1			1			
25	Xã Hoạch Giang													x		
26	Xã Lĩnh Toại						1						1	x		
27	Xã Triệu Lộc							x		1						
28	Xã Đông Thành									1	x					
29	Xã Hậu Lộc				x		1						1			
30	Xã Hoa Lộc			1	x		1			1			1			1
31	Xã Vạn Lộc			1				x		1						
32	Xã Nga Sơn			1	x		1						1			1
33	Xã Nga Thẳng			1						1	x		1			
34	Xã Hồ Vrong	x					1									1
35	Xã Tân Tiến			1				x		1						
36	Xã Nga An									1	x		1			
37	Xã Ba Đình			1						1	x		1			1
38	Xã Hoằng Hóa	x					1									1
39	Xã Hoằng Tiến			1			1	x								1
40	Xã Hoằng Thanh			3			1	x		1			2			1
41	Xã Hoằng Lộc				x		1									
42	Xã Hoằng Châu							x		1						
43	Xã Hoằng Sơn							x		1			1			
44	Xã Hoằng Phú				x		1			1						

STT	Xã, phường	Năm 2026			Năm 2027			Năm 2028			Năm 2029			Năm 2030		
		Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP
45	Xã Hoàng Giang						x					1				
46	Xã Lưu Vệ	x					1		1			1				
47	Xã Quảng Yên				x		1		1			1				
48	Xã Quảng Ngọc						1			x		1				
49	Xã Quảng Ninh			1				x	1							
50	Xã Quảng Bình			1	x		1					1				
51	Xã Tiên Trang			1			1	x	1						1	
52	Xã Quảng Chính			1	x		1		1			1			1	
53	Xã Nông Công	x		1			1									
54	Xã Thắng Lợi				x		1									
55	Xã Trung Chính				x		1									
56	Xã Trường Vãn				x		1									
57	Xã Thắng Bình							x	1			1				
58	Xã Tượng Lĩnh						1	x								
59	Xã Công Chính						1			x						
60	Xã Thiệu Hóa	x		1			1		1			1			1	
61	Xã Thiệu Quang			1	x				1							
62	Xã Thiệu Tiến			1			1			x		1				
63	Xã Thiệu Toán						1	x	1							
64	Xã Thiệu Trung			2	x				1			1				
65	Xã Yên Định	x					1					1				
66	Xã Yên Trường			1	x				1						1	
67	Xã Yên Phú						1	x	1							

STT	Xã, phường	Năm 2026			Năm 2027			Năm 2028			Năm 2029			Năm 2030		
		Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP
68	Xã Quý Lộc			1		1	x		1						1	
69	Xã Yên Ninh					1	x		1			1			1	
70	Xã Định Tân			1	x	1						1			1	
71	Xã Định Hòa								1	x					1	
72	Xã Thọ Xuân	x		2					1			1			1	
73	Xã Thọ Long			1	x	1									1	
74	Xã Xuân Hòa			1		1	x		1							
75	Xã Sao Vàng			2					1							
76	Xã Lam Sơn								1			1			1	
77	Xã Thọ Lập								1			1	x			
78	Xã Xuân Tín								x			1				
79	Xã Xuân Lập			1					x							
80	Xã Vĩnh Lộc			1		1					x	1			1	
81	Xã Tây Đô			1		1					x	1			1	
82	Xã Biện Thượng			1					x			1				
83	Xã Triệu Sơn			1	x	1										
84	Xã Thọ Bình													x		
85	Xã Thọ Ngọc								1					x		
86	Xã Thọ Phú										x	1			1	
87	Xã Hợp Tiến	x		1		1			1							
88	Xã An Nông								1					x		
89	Xã Tân Ninh					1			1					x		
90	Xã Đồng Tiến								1	x						

STT	Xã, phường	Năm 2026			Năm 2027			Năm 2028			Năm 2029			Năm 2030		
		Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP
91	Xã Mường Chanh															
92	Xã Quang Chiêu					1			1					x		
93	Xã Tam chung								1					x	1	
94	Xã Mường Lát					1			1			1		x	2	1
95	Xã Pù Nhi					1	1		1					x	1	1
96	Xã Nhi Sơn								1					x	1	1
97	Xã Mường Lý					1	1		1			1			1	1
98	Xã Trung Lý											1		x	1	1
99	Xã Hồi Xuân					1			1			1	1	x		
100	Xã Nam Xuân								1			1		x		1
101	Xã Thiên Phú								1	1				x		1
102	Xã Hiền Kiệt						1		1							
103	Xã Phú Xuân															
104	Xã Phú Lệ					1	1		1	1		2	1		1	
105	Xã Trung Thành					1			1				1		1	
106	Xã Trung Sơn								1	1						
107	Xã Na Mèo			1												
108	Xã Sơn Thủy								1	1		1				
109	Xã Sơn Điện					1	1		1			1		x	1	
110	Xã Mường Mìn												1	x	1	
111	Xã Tam Thanh								1			1				
112	Xã Tam Lư						1			1						1
113	Xã Quan Sơn					1	1		1			2	1		2	1

STT	Xã, phường	Năm 2026			Năm 2027			Năm 2028			Năm 2029			Năm 2030		
		Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP
137	Xã Cẩm Tú			1	x											
138	Xã Cẩm Vân													x		
139	Xã Cẩm Tân										x		1			
140	Xã Kim Tân				x		1						1			
141	Xã Vân Du					2			1	1	x	1	1		1	
142	Xã Ngọc Trạo									1				x		
143	Xã Thạch Bình												1	x		
144	Xã Thành Vinh					2			2			2	1	x	2	
145	Xã Thạch Quảng		1			2			2			2	1	x	2	
146	Xã Như Xuân		1			1	1		2	1		2		x	2	
147	Xã Thượng Ninh			1		1	1		1	1		1	1	x	1	
148	Xã Xuân Bình			1		1	1					1		x		1
149	Xã Hóa Quý					1	1			1			1	x		
150	Xã Thanh Quân						1		1	1			1		1	
151	Xã Thanh Phong					1	1		1						1	
152	Xã Xuân Du			1		1	1		1		x	1	1		2	
153	Xã Mậu Lâm						1				x		1			
154	Xã Như Thanh			1							x		1			
155	Xã Yên Thọ						1						1	x		
156	Xã Xuân Thái						1			1				x		
157	Xã Thanh Kỳ					1							1	x		
158	Xã Bát Mọt									1						
159	Xã Yên Nhân												1	x		

STT	Xã, phường	Năm 2026			Năm 2027			Năm 2028			Năm 2029			Năm 2030		
		Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP	Xã NTM	Thôn, bản miền núi NTM	SP OCOP
160	Xã Lương Sơn			2			1			1				x		
161	Xã Thường Xuân			1										x		1
162	Xã Luận Thành			1		1			1				1	x		
163	Xã Tân Thành		1			1	1		1	1						
164	Xã Vạn Xuân					1			1							
165	Xã Thắng Lộc		1			1										
166	Xã Xuân Chinh								1							

PHỤ LỤC SỐ 03: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHO CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CHỈ ĐẠO, KIỂM TRA, HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN NỘI DUNG THÀNH PHẦN CHƯƠNG TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA GIAI ĐOẠN 2026-2030

TT	Tên đơn vị	Nội dung thành phần của hợp phần thứ nhất (theo Quyết định số 417/QĐ-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Nội dung thành phần của hợp phần thứ hai (theo Quyết định số 417/QĐ-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	<p>Chủ trì: Nội dung: 02,03,07,10, 11, 12 (nội dung thành phần 02); nội dung: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 08, 09,10 (nội dung thành phần 03); nội dung 02 (nội dung thành phần 04); nội dung 01 (nội dung thành phần 06); nội dung 01, 02, 03, 04 (nội dung thành phần 07); nội dung 01, 02, 03 (nội dung thành phần 10)</p> <p>Phối hợp: Nội dung 07 (nội dung thành phần 03); nội dung 02 (nội dung thành phần 06); nội dung 04 (nội dung thành phần 10)</p>	<p>Chủ trì: Nội dung 02 (nội dung thành phần 02)</p> <p>Phối hợp: Nội dung 06 (nội dung thành phần 01); nội dung 03, 04 (nội dung thành phần 02)</p>
2	Sở Dân tộc và Tôn giáo	<p>Phối hợp: Nội dung 12 (nội dung thành phần 02); nội dung 01, 02 (nội dung thành phần 06); nội dung 01, 02, 03 (nội dung thành phần 10); nội dung 04 (nội dung thành phần 10)</p>	<p>Chủ trì: Nội dung 05, 06 (nội dung thành phần 01); nội dung 03 (nội dung thành phần 02); nội dung 02 (nội dung thành phần 03); Thực hiện nội dung về giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thuộc nội dung 03 (nội dung thành phần 03); Thực hiện Chính sách đặc thù ưu tiên hỗ trợ, phát triển cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù thuộc nội dung 01 (nội dung thành phần 04); nội dung 01, 02, 03 (nội dung thành phần 05)</p> <p>Phối hợp: Nội dung 01, 02 (nội dung thành phần 01); nội dung 04, 06 (nội dung thành phần 02); nội dung 01 (nội dung thành phần 03); nội dung 04 (nội dung thành phần 05)</p>
3	Sở Xây dựng	<p>Chủ trì: Nội dung: 01, 02 (nội dung thành phần 01); nội dung: 01,13,14 (nội dung thành phần 02)</p> <p>Phối hợp: Nội dung 11 (nội dung thành phần 02)</p>	<p>Phối hợp: Nội dung 06 (nội dung thành phần 01)</p>

TT	Tên đơn vị	Nội dung thành phần của hợp phần thứ nhất (theo Quyết định số 417/QĐ-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Nội dung thành phần của hợp phần thứ hai (theo Quyết định số 417/QĐ-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
4	Sở Công Thương	Chủ trì: Nội dung: 04,06 (nội dung thành phần 02); nội dung 07 (nội dung thành phần 03)	Chủ trì: Nội dung 05 (nội dung thành phần 02)
5	Sở Khoa học và Công nghệ	Chủ trì: Nội dung 08, 09 (nội dung thành phần 02); nội dung 02 (nội dung thành phần 06)	Phối hợp: Nội dung 05 (nội dung thành phần 01)
6	Sở Nội vụ	Chủ trì: Nội dung 04, 05 (nội dung thành phần 04); nội dung 01, 04 (nội dung thành phần 05); nội dung 04 (nội dung thành phần 10)	
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	Chủ trì: Nội dung 05 (nội dung thành phần 02); nội dung 01, 03 (nội dung thành phần 04)	Chủ trì: Nội dung 01 (nội dung thành phần 01); nội dung 01 (nội dung thành phần 03). Phối hợp: Nội dung 02 (nội dung thành phần 01); nội dung 02 (nội dung thành phần 03)
8	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Phối hợp: Nội dung 06 (nội dung thành phần 03)	Chủ trì: Nội dung 04 (nội dung thành phần 01); nội dung 06 (nội dung thành phần 02); nội dung 04 (nội dung thành phần 05)
9	Sở Y tế	Phối hợp: Nội dung 04 (nội dung thành phần 07)	Chủ trì: Nội dung 01 (nội dung thành phần 02) Phối hợp: Thực hiện nội dung về giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thuộc nội dung 03 (nội dung thành phần 03)
10	Sở Tư pháp	Chủ trì: Nội dung 02, 03 (nội dung thành phần 05)	Phối hợp: Nội dung 02 (nội dung thành phần 05)
11	Công an tỉnh	Chủ trì: Nội dung 02 (nội dung thành phần 09)	Phối hợp: Nội dung 02 (nội dung thành phần 03)
12	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Chủ trì: Nội dung 01 (nội dung thành phần 09)	Chủ trì: Nội dung 07 (nội dung thành phần 01); nội dung 04 (nội dung thành phần 02); nội dung 04 (nội dung thành phần 03) Phối hợp: Nội dung 02 (nội dung thành phần 03)

TT	Tên đơn vị	Nội dung thành phần của hợp phần thứ nhất (theo Quyết định số 417/QĐ-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Nội dung thành phần của hợp phần thứ hai (theo Quyết định số 417/QĐ-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
13	Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh	Chủ trì: Nội dung 01 (nội dung thành phần 08)	Phối hợp: Nội dung 01,02 (nội dung thành phần 05)
14	Hội Nông dân tỉnh	Chủ trì: Nội dung 02 (nội dung thành phần 08)	
15	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Chủ trì: Nội dung 03, 04 (nội dung thành phần 08) Phối hợp: Nội dung 04 (nội dung thành phần 05)	Chủ trì: Nội dung thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào DTTS&MN thuộc nội dung 03 (nội dung thành phần 03)
16	Tỉnh đoàn Thanh Hoá	Chủ trì: Nội dung 05 (nội dung thành phần 08)	

PHỤ LỤC SỐ 04: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHO CÁC SỞ, BAN, NGÀNH XÂY DỰNG KHUNG VĂN BẢN HƯỚNG DẪN, CHỈ ĐẠO, KIỂM TRA THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA GIAI ĐOẠN 2026-2030

TT	Nội dung/Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình/báo cáo
1	Tham mưu Quyết định của UBND tỉnh bộ tiêu chí xã, thôn, bản đạt chuẩn NTM.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành phụ trách tiêu chí	Quý II/2026	UBND tỉnh
2	Kế hoạch tập huấn, học tập kinh nghiệm thực hiện Chương trình (hợp phần 1).	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính	Quý III/2026	UBND tỉnh
3	Quyết định danh sách xã thuộc nhóm 1, nhóm 2 và nhóm 3.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND cấp xã	Quý II/2026	UBND tỉnh
4	Xây dựng quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách cấp tỉnh và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương (tỉnh, xã) thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND cấp xã	Quý II/2026	UBND tỉnh, HĐND tỉnh
5	Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích xây dựng NTM và phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, các sở ngành phụ trách tiêu chí; UBND cấp xã	Quý III/2026	UBND tỉnh, HĐND tỉnh
6	Xây dựng phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính; Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND cấp xã	Giai đoạn và định kỳ hằng năm	UBND tỉnh, Sở Tài chính
7	Báo cáo kết quả quyết toán nguồn vốn sử dụng, quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình theo quy định tại khoản 4 Điều 48 Nghị định 358/2025/NĐ -CP, gửi Sở Tài chính tổng hợp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND cấp xã	Định kỳ hằng năm	UBND tỉnh; Sở Tài chính
8	Quyết định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, UBND cấp xã	Quý III/2026	UBND tỉnh, HĐND tỉnh
9	Quyết định phân cấp thẩm quyền phê duyệt quản lý dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, UBND cấp xã	Quý III/2026	UBND tỉnh
10	Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng	Sở Nông nghiệp	Sở Tài chính, các sở	Quý II/2026	UBND tỉnh

TT	Nội dung/Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình/báo cáo
	nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm.	và Môi trường	ngành phụ trách tiêu chí; các tổ chức chính trị - xã hội		
11	Quy định cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ dự án theo từng ngành, nghề, lĩnh vực.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, UBND cấp xã	Quý III/2026	UBND tỉnh
12	Kế hoạch tập huấn, học tập kinh nghiệm thực hiện Chương trình (hợp phần 2).	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và MT	Quý III/2026	UBND tỉnh
13	Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Hợp phần thứ hai của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm theo quy định	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã	Định kỳ hằng năm	UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và MT, Sở Tài chính
14	Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến vùng đồng bào DTTS và MN theo quy định	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã	Định kỳ hằng năm	UBND tỉnh
15	Xây dựng, ban hành hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các nội dung thực hiện thuộc Hợp phần thứ hai của Chương trình	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã	Định kỳ hằng năm	UBND tỉnh
16	Tham mưu: Ban hành quy định tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điểm hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có trên địa bàn tỉnh; Danh mục dự án và tổng mức đầu tư tối đa một dự án thuộc danh mục loại dự án đặc thù theo quy định tại Điều 17 Nghị định 358/2025/NĐ-CP	Sở Xây dựng	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND cấp xã	Quý III/2026	UBND tỉnh
17	Quy trình bảo trì mẫu cho công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế tổ chức thực hiện dự án quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân theo quy định tại Điều 22 và điểm c khoản 2 Điều 56 Nghị định số	Sở Xây dựng	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND cấp xã	Quý III/2026	UBND tỉnh

TT	Nội dung/Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình/báo cáo
	358/2025/NĐ-CP				
18	Tham mưu bố trí vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh theo quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và tỉ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương (tỉnh, xã) thực hiện Chương trình.	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND cấp xã	Định kỳ hằng năm	UBND tỉnh, HĐND tỉnh
19	Quy định hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước cho cộng đồng tự thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định 358/2025/NĐ-CP.	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND cấp xã	Định kỳ hằng năm	UBND tỉnh
20	Tham mưu, trình phương án phân bổ/điều chỉnh vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm, dự kiến tổng chi thường xuyên ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 của các chương trình MTQG.	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND cấp xã	Định kỳ hằng năm	UBND tỉnh, HĐND tỉnh
21	Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình MTQG và từ các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh; cơ chế chính sách tín dụng ưu đãi cho các đối tượng thuộc phạm vi đầu tư, nội dung hỗ trợ của Chương trình MTQG.	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND cấp xã	Định kỳ hằng năm	UBND tỉnh
22	Quyết định giao dự toán, điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước hằng năm thực hiện từng chương trình MTQG.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; UBND cấp xã	Định kỳ hằng năm	UBND tỉnh
23	Tổng hợp, báo cáo kết quả phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện chương trình MTQG trên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công; Tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt Quyết định giao dự toán, điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước hằng năm thực hiện Chương trình; Tổng hợp, báo cáo chung tình hình thực	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo	Định kỳ hằng năm	UBND tỉnh

TT	Nội dung/Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình/báo cáo
	hiện các chương trình MTQG theo quy định và theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.				
24	Hướng dẫn cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo thực hiện các chương trình MTQG, các đơn vị, địa phương liên quan lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công hằng năm thực hiện các chương trình MTQG theo quy định.	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và MT, Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND cấp xã	Định kỳ hằng năm	UBND tỉnh
25	Tham mưu triển khai Quy định tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Sở Nội vụ	Sở Nông nghiệp và MT, Sở Dân tộc và Tôn giáo	Định kỳ hằng năm	UBND tỉnh
26	Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND cấp xã	Giai đoạn và định kỳ hằng năm	BCĐ tỉnh, UBND tỉnh